

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HN- ST
Ngày 05/7/2024
V/v: “Xin ly hôn ”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần ThA Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Nam

Ông Nguyễn Văn Hết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **05** tháng **7** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2024/TLST-HN ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “*xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246A/2024/QĐXXST-HN ngày 03/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 259A/2024/QDST-HN ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Tuyết T, sinh 1983;Địa chỉ: Ấp 1, xã Định Th, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Đặng Thế A, sinh 1985; Địa chỉ: Ấp 1, xã Định Th, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị trình bày:

Vào năm 2009 chị và A A đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định ỹ, huyện Mỏ Cày Nam. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu ẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp. Nay xin ly hôn với A A.

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thị Như Ngọc, sinh ngày 24/4/2004, Đặng Ngọc Băng Tâm, sinh ngày 21/3/2006, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Bị đơn A Đặng Thế A vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả trA luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị là trA chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn ộc xã Định ý, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] A Đặng Thế A đã được triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt A A.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị , A A kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, A, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của A chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn A chị sống có hạnh phúc, có con chung, lẽ ra A, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu ẫn trong đời sống thường ngày mà A, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân, bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn A A đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng A vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy A A không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị . Xét mâu ẫn vợ chồng A chị là có thật, nếu để A chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị là phù hợp.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết . Chị Nguyễn Thị Tuyết được ly hôn với A Đặng Thế A.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Chị chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005265 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam là đủ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã Định ý (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký